CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM

Số: 141/EB/2023

I. Thông tin về tổ chức, cá nhân tự công bố sản phẩm

Tên tổ chức, cá nhân: CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ EB

Địa chỉ: Số 163, Đường Phan Đăng Lưu, Phường 01, Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Điện thoại: 028.39958368 Fax: 028.39958423

Mã số doanh nghiệp: 0105696842

II. Thông tin về sản phẩm

1. Tên sản phẩm: **TRÀ BẦU NÂU HÒA TAN - CHACHERS**
2. Thành phần: Đường 70%, bầu nâu 30%.
3. Thời hạn sử dụng sản phẩm: 18 tháng kể từ ngày sản xuất.
4. Quy cách đóng gói và chất liệu bao bì:
   - Quy cách đóng gói: khối lượng tịnh: 156 g (12 gói x 13 g) hoặc khối lượng khác theo nhu cầu khách hàng.
   - Chất liệu bao bì: Sản phẩm được đóng trực tiếp trong các túi PET+LLDPE, bên ngoài là túi nhựa lớn.
5. Tên và địa chỉ cơ sở sản xuất sản phẩm (sản phẩm nhập khẩu): K-BEVERAGE CO., LTD. - 111/1 Moo 4, Tambon Lam Sai, Amphur Wang Noi, Pranakorn Sri Ayutthaya, 13170 Thailand (Thái Lan).

III. Mẫu nhãn sản phẩm

Đính kèm (Theo 43/2017/NĐ-CP Nghị định về Nhãn hàng hóa và 111/2021/NĐ-CP Nghị định về Sửa đổi, bổ sung một số điều nghị định số 43/2017/NĐ-CP nhãn hàng hóa).

IV. Yêu cầu về an toàn thực phẩm

1. **Chỉ tiêu độc tố vi nấm:** theo QCVN 8-1:2011/BYT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm độc tố vi nấm trong thực phẩm.

Stt	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức tối đa
1	Aflatoxin B1	µg/kg	5
2	Aflatoxin tổng	µg/kg	10

2. **Chỉ tiêu kim loại nặng**: theo QCVN 8-2:2011/BYT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm kim loại nặng trong thực phẩm.

Stt	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức tối đa
1	Arsen (As)	mg/kg	1,0
2	Cadmi (Cd)	mg/kg	1,0
3	Chì (Pb)	mg/kg	0,5
4	Thủy ngân (Hg)	mg/kg	0,05

3. **Chỉ tiêu vi sinh vật**: theo Quyết định 46/2007/QĐ-BYT Quy định giới hạn tối đa ô nhiễm sinh học và hóa học trong thực phẩm.

Stt	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Giới hạn tối đa
1	Tổng số vi sinh vật hiếu khí	CFU/g	10^4
2	*Coliforms*	CFU/g	10
3	*E. coli*	MPN/g	3
4	*Staphylococcus aureus*	CFU/g	10
5	*Clostridium perfringens*	CFU/g	10
6	*Bacillus cereus*	CFU/g	10
7	Tổng số bào tử nấm men – nấm mốc	CFU/g	10^2

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm và hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ công bố và chất lượng, an toàn thực phẩm đối với sản phẩm đã công bố./.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 06 năm 2023

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN

(Ký tên, đóng dấu)

CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ EB

LÊ THỊ MINH TRANG

Giám Đốc Chất lượng và Vệ sinh ATTP Toàn Quốc

THÔNG TIN NHÃN PHỤ

EB TRÀ BẦU NÂU HÒA TAN - CHACHERS

Thành phần: Đường 70%, bầu nâu 30%.

Thông tin dinh dưỡng: Tổng số khẩu phần: 12; Kích cỡ 1 khẩu phần: 13 g (1 gói)

Thành phần dinh dưỡng trên một khẩu phần: Giá trị năng lượng 50 kcal (3%); Carbohydrate 13 g (4%); Đường tổng số 13 g (26%).

Khối lượng tịnh: 156 g (12 gói x 13 g)

Hướng dẫn pha chế: Hòa tan 1 gói trà với khoảng 150 ml nước nóng hoặc lạnh và thưởng thức. Nếu muốn cho thêm đá, nên giảm bớt lượng nước pha.

Bảo quản nơi khô ráo, thoáng mát.

NSX và HSD:

Sản xuất bởi: K-BEVERAGE CO., LTD. - 111/1 Moo 4, Tambon Lam Sai, Amphur Wang Noi, Pranakorn Sri Ayutthaya, 13170 Thailand (Thái Lan).

Nhập khẩu và phân phối bởi: CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ EB, 163 Phan Đăng Lưu, P. 1, Q. Phú Nhuận, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Cảnh báo: Không sử dụng sản phẩm khi có dấu hiệu hư hỏng hoặc hết hạn sử dụng.

Số TCB: 141/EB/2023

BẢN DỊCH

CHACHERS

TRÀ BẦU NÂU HÒA TAN

Giá trị dinh dưỡng trên 1 gói
Nên chia thành 12 lần

Năng lượng	Đường	Chất béo	Natri
600 Kcal	156 g	0 g	55 mg
*30%	*240%	*0%	*3%

Tính theo phần trăm tối đa của lượng tiêu thụ mỗi ngày

Được làm từ
Bầu nâu phơi khô
Dưới dạng bột
Dễ dùng
Cả nóng và lạnh
12 gói

Hình ảnh chỉ mang tính chất minh họa

TRÀ BẦU NÂU HÒA TAN - CHACHERS

THÀNH PHẦN CHÍNH
Đường 70%, Bầu nâu 30%
HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG
1. Xé nhỏ một gói thức uống bột bầu nâu uống liền nhãn hiệu Chachers (13 gram)
2. Thêm 1 cốc nước nóng hoặc lạnh (150 ml.)
3. Khuấy đều, nếu thêm đá, hãy giảm nước xuống chỉ một nửa không thêm đường khuấy cho đến khi hỗn hợp hòa quyện, nếu cho đá giảm xuống còn nửa cốc nước và thêm đường.
CÁCH BẢO QUẢN
Bảo quản sản phẩm ở nơi khô ráo tránh ẩm ướt.
Chỉ sản xuất cho: Central Food Retail Co.,
Sản xuất bởi: K-Beverage Co., Ltd.
111/1 Moo 4 Tambon Lam Sai Amphur Wang Noi
Pranakorn Sri Ayutthaya 13170
Ngày, tháng, năm sản xuất/nên dùng trước: XEM TRÊN BAO BÌ
Giá niêm yết tại điểm bán

Đảm bảo chất lượng sản phẩm
Nếu không hài lòng sẵn sàng hoàn lại tiền!

Khối lượng tịnh 13 g x 12 gói

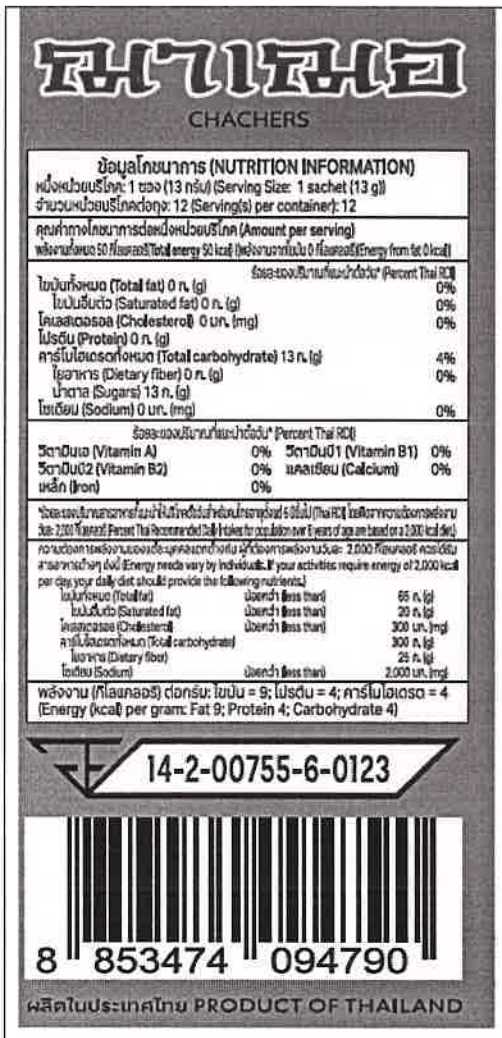

CHACHERS

THÔNG TIN DINH DƯỠNG
Khẩu phần mỗi gói (13g)
Số lượng khẩu phần mỗi hộp: 12

Giá trị dinh dưỡng mỗi khẩu phần
Tổng năng lượng 50 kcal/Năng lượng từ chất béo 0 kcal

Tỷ lệ phần trăm lượng dinh dưỡng được khuyến nghị mỗi ngày

Tổng chất béo 0g	0%
Chất béo bão hòa 0g	0%
Cholesterol 0mg	0%
Chất đạm 0g	
Tổng lượng chất đường bột 13g	4%
Chất xơ 0g	0%
Đường 13g	
Natri 0mg	0%

Tỷ lệ phần trăm lượng dinh dưỡng được khuyến nghị mỗi ngày*

Vitamin A	0%	Vitamin B1	0%
Vitamin B2	0%	Canxi	0%
Sắt	0%		

* Tỷ lệ phần trăm lượng dinh dưỡng được khuyến nghị mỗi ngày cho người Thái từ 6 tuổi trở lên (Thai RDI) dựa trên nhu cầu năng lượng 2000 kcal mỗi ngày.

Nhu cầu năng lượng thay đổi theo từng cá nhân, nếu các hoạt động của bạn cần 2000 kcal mỗi ngày

Tổng chất béo	ít hơn	65g
Chất béo bão hòa	ít hơn	20g
Cholesterol	ít hơn	300mg
Tổng đường bột		300g
Chất xơ		25g
Natri	ít hơn	2000mg

Năng lượng (Kcal) mỗi gam: Chất béo = 9, Đạm =4, Đường bột = 4

Sản xuất tại Thái Lan

Tôi, Phan Thị Hiền , Căn cước công dân số: 044189002411 do Cục Cảnh sát QLHC về TTXH cấp ngày 04/05/2019 ; cam đoan dịch chính xác giấy tờ/ văn bản này từ tiếng **Thái Lan sang tiếng Việt.**

Người dịch

Phan Thị Hiền

LỜI CHỨNG CỦA CÔNG CHỨNG VIÊN

Hôm nay, ngày 20 tháng 06 năm 2023 (Ngày hai mươi tháng sáu năm hai nghìn không trăm hai mươi ba)

Tại Văn phòng Công chứng Nguyễn Huệ, địa chỉ tại số 165 Giảng Võ, phường Cát Linh, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội.

Tôi, - Công chứng viên,trong phạm vi trách nhiệm của mình theo quy định của pháp luật.

Vũ Thị Phượng

CHỨNG NHẬN

- Bản dịch này do bà Phan Thị Hiền , Căn cước công dân số: 044189002411 do Cục Cảnh sát QLHC về TTXH cấp ngày 04/05/2019 ; là cộng tác viên phiên dịch của Văn phòng Công chứng Nguyễn Huệ, thành phố Hà Nội, đã dịch từ tiếng **Thái Lan sang tiếng Việt.**

- Chữ ký trong bản dịch đúng là chữ ký của bà Phan Thị Hiền ;

- Nội dung của bản dịch chính xác, không vi phạm pháp luật, không trái với đạo đức xã hội;

- Văn bản công chứng này được lập thành 02 bản chính, mỗi bản gồm 03 tờ, 03 trang, lưu một (1) bản tại Văn phòng Công chứng Nguyễn Huệ, thành phố Hà Nội.

Số công chứng: 3609 Quyển số: 01 /2023 TP/CC-SCC/BD

CÔNG CHỨNG VIÊN

S.Đ.K.H.Đ: 80 - C.T.H
VĂN PHÒNG CÔNG CHỨNG NGUYỄN HUỆ
Q. ĐỐNG ĐA - T.P HÀ NỘI

Vũ Thị Phượng

เครื่องดื่มมะตูมสำเร็จรูปชนิดผง ตราฉาเฉอ

Chachers Brand Instant Bael Fruit Powdered Drink

ส่วนประกอบที่สำคัญ INGREDIENTS

น้ำตาล 70%, มะตูม 30%

Sugar 70%, Bael Fruit 30%

ข้อแนะนำในการบริโภค INSTRUCTIONS

1. ฉีกซองเครื่องดื่มมะตูมสำเร็จรูปชนิดผง ตราฉาเฉอ จำนวน 1 ซอง (13 กรัม)

Tear up one sachet of Chachers Brand Instant Bael Fruit Powdered Drink (13 grams)

2. เติมน้ำร้อนหรือน้ำเย็น 1 ถ้วย (150 มล.)

Add 1 cup of hot water or cold water (150 ml.)

3. คนให้เข้ากัน หากใส่น้ำแข็งให้ลดน้ำลงเหลือเพียงครึ่งถ้วยไม่ต้องเติมน้ำตาล

Stir until mixed. If put the ice is reduced to half a cup of water, do not add sugar.

วิธีการเก็บรักษา STORAGE

เก็บไว้ในที่แห้ง ปราศจากความชื้น

Store in a dry place, avoid moisture.

ผลิตให้เฉพาะ: บริษัท เซ็นทรัล ฟู้ด รีเทล จำกัด

Manufactured for: Central Food Retail Co., Ltd.

ผลิตโดย: บริษัท เค เบฟเวอเรจ จำกัด

111/1 หมู่ที่ 4 ต.สำโรง อ.วังน้อย

จ.พระนครศรีอยุธยา 13170

วัน เดือน ปี ที่ผลิต/ควรบริโภคก่อน: ดูที่บรรจุภัณฑ์

MFG.DATE/BEST BEFORE DATE:

SEE ON PACKAGING

ราคา ระบุ ณ จุดขาย

SATISFACTION GUARANTEED or your money back! รับประกันคุณภาพสินค้า หากไม่พอใจยินดีคืนเงิน

น้ำหนักสุทธิ 13 กรัม x 12 ซอง

Net Weight 13 g x 12 sachets

ฉาเฉอ

CHACHERS

ข้อมูลโภชนาการ (NUTRITION INFORMATION)

หนึ่งหน่วยบริโภค: 1 ซอง (13 กรัม) (Serving Size: 1 sachet (13 g))

จำนวนหน่วยบริโภคต่อถุง: 12 (Serving(s) per container): 12

คุณค่าทางโภชนาการต่อหนึ่งหน่วยบริโภค (Amount per serving)

พลังงานทั้งหมด 50 กิโลแคลอรี (Total energy 50 kcal) (พลังงานจากไขมัน 0 กิโลแคลอรี (Energy from fat 0 kcal))

	ร้อยละของปริมาณที่แนะนำวันต่อวัน* (Percent Thai RDI)
ไขมันทั้งหมด (Total fat) 0 ก. (g)	0%
ไขมันอิ่มตัว (Saturated fat) 0 ก. (g)	0%
โคเลสเตอรอล (Cholesterol) 0 มก. (mg)	0%
โปรตีน (Protein) 0 ก. (g)	
คาร์โบไฮเดรตทั้งหมด (Total carbohydrate) 13 ก. (g)	4%
ใยอาหาร (Dietary fiber) 0 ก. (g)	0%
น้ำตาล (Sugars) 13 ก. (g)	
โซเดียม (Sodium) 0 มก. (mg)	0%

ร้อยละของปริมาณที่แนะนำวันต่อวัน* (Percent Thai RDI)

วิตามินเอ (Vitamin A)	0%	วิตามิน B1 (Vitamin B1)	0%
วิตามิน B2 (Vitamin B2)	0%	แคลเซียม (Calcium)	0%
เหล็ก (Iron)	0%		

*ร้อยละของปริมาณสารอาหารที่แนะนำให้บริโภคต่อวันสำหรับคนไทยอายุตั้งแต่ 6 ปีขึ้นไป (Thai RDI) โดยคิดจากความต้องการพลังงาน 2,000 กิโลแคลอรี (Percent Thai RDI is based on an RDI for Thai people 6 years of age and above based on a 2,000 kcal diet)

ความต้องการพลังงานของคนแต่ละบุคคลแตกต่างกัน คุณต้องการพลังงานวันละ 2,000 กิโลแคลอรี หรือน้อยกว่านี้ขึ้นกับกิจกรรมต่างๆ ของคุณ (Energy needs vary by individuals. If your activities require energy of 2,000 kcal per day, your daily diet should provide the following nutrients)

ไขมันทั้งหมด (Total fat)	น้อยกว่า (less than)	65 ก. (g)
ไขมันอิ่มตัว (Saturated fat)	น้อยกว่า (less than)	20 ก. (g)
โคเลสเตอรอล (Cholesterol)	น้อยกว่า (less than)	300 มก. (mg)
คาร์โบไฮเดรตทั้งหมด (Total carbohydrate)		300 ก. (g)
ใยอาหาร (Dietary fiber)		25 ก. (g)
โซเดียม (Sodium)	น้อยกว่า (less than)	2,000 มก. (mg)

พลังงาน (กิโลแคลอรี) ต่อกรัม: ไขมัน = 9; โปรตีน = 4; คาร์โบไฮเดรต = 4 (Energy (kcal) per gram: Fat 9; Protein 4; Carbohydrate 4)

14-2-00755-6-0123

8 853474 094790

ผลิตในประเทศไทย PRODUCT OF THAILAND

CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ EB

Ngày 13 tháng 06 năm 2023

LÊ THỊ MINH TRANG

Giám Đốc Chất Lượng và Vệ Sinh ATTP Toàn Quốc

Ngày ban hành/ *Date of issue*: 22/06/2023

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Mã số/ *Ref. No*: 1X250F0971
Mã KQ/ *RP. No*: 007009393.00

1. **Tên khách hàng**/ *Client's Name* (c) : **CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ EB**
2. **Địa chỉ**/ *Client's Address* (c) : 163 Phan Đăng Lưu, Phường 1, Quận Phú Nhuận, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam
3. **Ngày nhận mẫu**/ *Date of receiving* : 12/06/2023
4. **Thời gian phân tích**/ *Date of Testing* : 12/06/2023 - 18/06/2023
5. **Thông tin mẫu**/ *Information of sample* (c) : **TRÀ BẦU NÂU HÒA TAN - CHACHERS**
6. **Mô tả mẫu**/ *Sample Description* : Mẫu chứa trong túi nhựa
7. **Bảng kết quả**/ *Results Table* :

STT/ *No.*		Chỉ Tiêu Thử Nghiệm/ *Testing Analysis(s)*	Kết Quả/ *Result (s)*	Đơn Vị/ *Unit*	GHPH/ *LOD*	Phương Pháp Thử/ *Test Method*
1	LS	Aflatoxin B_1 (*) / Aflatoxin B_1 (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/kg	0.15	TS-KT-SK-38:2019 (Ref. TCVN 10638:2014)
2	LS	Aflatoxin (tổng B_1,B_2,G_1,G_2) (*) / Aflatoxin (sum of B_1,B_2,G_1,G_2) (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/kg	0.15	TS-KT-SK-38:2019 (Ref. TCVN 10638:2014)
3	LS	Asen (As) (*) / Arsenic (As) (*)	Không phát hiện/ Not Detected	mg/kg	0.003	TS-KT-QP-27:2021
4	LS	Cadimi (Cd) (*) / Cadmium (Cd) (*)	Không phát hiện/ Not Detected	mg/kg	0.003	TS-KT-QP-27:2021
5	LS	Thủy ngân (Hg) (*) / Mercury (Hg) (*)	Không phát hiện/ Not Detected	mg/kg	0.003	TS-KT-QP-27:2021
6	LS	Chì (Pb) (*) / Lead (Pb) (*)	Không phát hiện/ Not Detected	mg/kg	0.003	TS-KT-QP-27:2021
7	LS	Tổng số vi sinh vật hiếu khí (*) / Total aerobic microorganisms (*)	Không phát hiện/ Not Detected	CFU/g	10	TCVN 4884-1:2015 (ISO 4833-1:2013)
8	LS	Tổng số nấm men (*) / Total yeasts (*)	Không phát hiện/ Not Detected	CFU/g	10	TCVN 8275-2:2010 (ISO 21527-2:2008)
9	LS	Tổng số nấm mốc (*) / Total moulds (*)	Không phát hiện/ Not Detected	CFU/g	10	TCVN 8275-2:2010 (ISO 21527-2:2008)
10	LS	Coliforms (*) / Coliforms (*)	Không phát hiện/ Not Detected	CFU/g	10	TCVN 6848:2007 (ISO 4832:2007)
11	LS	Staphylococcus aureus (*) / Staphylococcus aureus (*)	Không phát hiện/ Not Detected	CFU/g	10	AOAC 975.55
12	LS	Clostridium perfringens (*) / Clostridium perfringens (*)	Không phát hiện/ Not Detected	CFU/g	10	TCVN 4991:2005 (ISO 7937:2004)

TSL SCIENCE CO.,LTD
HCM Laboratory: 592A Cong Hoa Street, Ward 13, Tan Binh District, Ho Chi Minh City, Vietnam.
Ca Mau Laboratory: No 11, 3/2 Street, Ward 5, Ca Mau City, Vietnam.
Ha Noi Laboratory: No 17, adjacent to Shophouse D1 in area D, Le Trong Tan New Urban Area, Duong Noi Ward, Ha Dong District, Hanoi City, Vietnam.
Telephone: (+84) 28.7302.4687

1. (c): Thông tin được cung cấp bởi Khách hàng/ *Information is provided by the customer.*
2. Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng/ *Testing results in the test report are valid only for the sample(s) as received.*
3. Kết quả này không được sao chép từng phần, ngoại trừ toàn bộ, nếu không được sự đồng ý của TSL/ *This test report shall not be reproduced except in full, without the written approval of TSL.*

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Mã số/ *Ref. No*: 1X250F0971
Mã KQ/ *RP. No*: 007009393.00

STT/ *No.*		Chỉ Tiêu Thử Nghiệm/ *Testing Analysis(s)*	Kết Quả/ *Result (s)*	Đơn Vị/ *Unit*	GHPH/ *LOD*	Phương Pháp Thử/ *Test Method*
13	LS	Bacillus cereus (*) / Bacillus cereus (*)	Không phát hiện/ Not Detected	CFU/g	10	AOAC 980.31
14	LS	Tổng số bào tử nấm men nấm mốc / Total spores of yeasts and moulds	Không phát hiện/ Not Detected	CFU/g	10	Ref. TCVN 8275-2:2010 (ISO 21527-2:2008)
15	LS	Escherichia coli (*) / Escherichia coli (*)	Không phát hiện/ Not Detected	MPN/g	0	TCVN 7924-3:2017 (ISO 16649-3:2015)

Chú thích/ *Remarks*:

1.(*): Chỉ tiêu thuộc phạm vi công nhận ISO/IEC 17025:2017/ (*): Items are currently within the ISO/IEC 17025:2017 accreditation scope.
2.(**): Chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ./ (**): Items are tested by subcontractor.
3.LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp./ Limit of detection.
4.LS,LH,LC: Ký hiệu mã chi nhánh/ Branch code: LS – CN HCM, LH – CN Hà Nội, LC – CN Cà Mau.
5.Mẫu do khách hàng cung cấp/ The sample is provided by the customer.

PHỤ TRÁCH CHẤT LƯỢNG QUALITY MANAGER	GIÁM ĐỐC DIRECTOR
NGUYỄN THỊ CẨM TUYÊN	HUỲNH TẤN CƯỜNG

TRUNG TÂM KIỂM NGHIỆM TSL - CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH KHOA HỌC TSL - M.S.C.N:0314212615-001-C.T.T.N.H.H - Q.TÂN BÌNH-T.P.HỒ CHÍ MINH